

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 06-9-2022

V/v “Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà

Bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn". Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Dương Thị S, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm A, xã HT, huyện HN, tỉnh NA. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm A, xã MT, huyện YT, tỉnh NA. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Anh Dương Văn H là bị đơn trong vụ án.

5. *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của nguyên đơn chị Lê Thị H:

Chị H và anh Dương Văn H trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận số 11/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA. Khi ly hôn, do chưa yêu cầu chia tài sản chung nên chị H làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau khi ly hôn: Tài sản chung là thửa đất không có sổ, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m² tại khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA và 01 ngôi nhà trên diện tích đất khoảng 90m² được Ủy ban nhân dân huyện HN, tỉnh NA (viết tắt UBND huyện HN) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AB 475554 ngày 28/01/2005 mang tên Dương Văn H và Lê Thị H. Ngoài ra chị Lê Thị H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khoản nợ vay của chị Dương Thị S (chị gái anh H) số tiền 77.000.000 đồng và chị Lê Thị T (em gái chị H) số tiền 30.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 21/12/2021, chị Lê Thị H đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về nợ.

2. Về phía bị đơn anh Dương Văn H:

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H không có mặt; tại bản cam kết thỏa thuận tài sản ngày 06/5/2021 thể hiện anh H và chị Lê Thị H được UBND huyện HN cấp GCNQSDĐ số AB 475554 ngày 28/01/2005, diện tích 180m²; anh H và chị H thỏa thuận chia cho anh H phần đất trồng và ột phía Nam, chị H và các con phần phía Bắc của thửa đất có nhà ở xây kiên cố.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tòa án đã tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ đối với chị Dương Thị S nhiều lần nhưng chị S không có mặt và thông tin qua điện thoại cho Tòa án biết là chị S không có yêu cầu gì; chị T có đơn không yêu cầu chị H, anh H trả nợ.

Với nội dung trên, Bản án số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 33, 59 và điểm d khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sở hữu nhà và đất của chị Lê Thị H, cụ thể:

Giao cho chị Lê Thị H được quyền sở hữu phần đất ở diện tích 108,2m² và 01 (một) ngôi nhà xây, mái tôn nằm trên diện tích đất được chia thuộc phía Bắc của thửa đất có tứ cận như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3 và 8 tại thửa đất không sổ thuộc khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB475554 ngày 28 tháng 01 năm 2005. Nay là thửa số 379, tờ bản đồ số 7 thuộc Khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất chị H được nhận là: 2.347.356.800 đồng. (Đặc điểm chi tiết chia nhà và đất có sơ đồ kèm theo).

Chị H có nghĩa vụ trả cho anh Dương Văn H số tiền chênh lệch là: 489.428.000 đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn).

Giao cho anh Dương Văn H quyền sở hữu phần đất ở diện tích 78,2m² và 01 (một) Kiốt trên phần đất được chia tại phần phía Nam thửa đất được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 7 và 8 tại thửa đất không số, thuộc khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB475554 ngày 28/01/2005. Nay là thửa số 379, tờ bản đồ số 7 thuộc Khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA. Tổng giá trị tài sản anh H được nhận là: 1.368.500.000 đồng + 489.428.400 đồng = 1.857.928.400 đồng. (Đặc điểm chi tiết chia nhà và đất có sơ đồ kèm theo).

Về phần công, sân, hàng rào, mái tôn và các hạng mục khác: Chị H đồng ý tự chịu chi phí cải tạo, sửa chữa sau khi chia nhà và đất nếu có ảnh hưởng đến phần đất, nhà được chia.

Tài sản được chia hiện nay đang do chị Lê Thị H và anh Dương Văn H quản lý, sử dụng nên chị H và anh H là người có nghĩa vụ phải thi hành án.

Chị Lê Thị H và anh Dương Văn H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ của chị Lê Thị H đối với chị Dương Thị S và chị Lê Thị T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo, và hướng dẫn về việc thi hành án.

Ngày 18/2/2022, anh Dương Văn H nộp đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện HN. Đề nghị không chia tài sản mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Sau đó cùng ngày, anh Dương Văn H làm đơn rút đơn kháng cáo. Ngày 04/3/2022, anh H nộp Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Ngày 21/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 237/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với bản án 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA với nội dung:

- Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin giảm án phí với lý do dịch covid 19 nên không có thu nhập, một mình nuôi con ăn học đại học, bản thân mắc bệnh suy gan 04 năm nay, có xác nhận của UBND thị trấn HN. Bản án sơ thẩm nhận định chị Lê Thị H có khó khăn về kinh tế và quyết định giảm cho chị H 50% tiền án phí tương đương số tiền 31.368.920 đồng là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bản án giao cho chị Lê Thị H được quyền sở hữu phần đất ở diện tích 108,2m² và giao cho anh Dương Văn H được quyền sở hữu phần đất ở diện tích 78,2m² là chưa đúng quy định tại Điều 4 Luật đất đai.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh H trình bày: Anh H và chị H đã tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung được lập thành văn bản đề ngày 10/8/2022; hiện nay anh vẫn đồng ý nội dung văn bản thỏa thuận này; chị H cũng đồng ý với nội dung văn bản thỏa thuận ngày 10/8/2022; anh H và chị H đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận theo văn bản ngày 10/8/2022. Anh H và chị H không thỏa thuận được về phần án phí.

Anh H, chị H không đồng ý với Kết quả định giá và cho rằng kết quả định giá cao; khi định giá anh H không được tham gia, không biết kết quả định giá; chị H tham gia nhưng không biết kết quả cụ thể; tuy nhiên anh H, chị H không yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Quá trình thụ lý, xét xử phúc thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 249 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Văn H; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 18/2/2022, anh Dương Văn H nộp đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với Bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA và đề nghị không chia tài sản chung của vợ chồng mà để anh H, chị H tự thỏa thuận; cùng ngày anh H có đơn xin rút đơn kháng cáo, đề nghị trả lại đơn kháng cáo, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không trả lại đơn kháng cáo cho anh H và vẫn cho anh H nộp tiền tạm ứng án phí, đến ngày 04/3/2022, anh H nộp Biên lai thu tiền tạm án phí, lệ phí Tòa án; Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo kháng cáo cho Viện kiểm sát và các đương sự. Vì vậy, kháng cáo của anh H là hợp lệ và được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn luật định, thẩm quyền, nội dung đúng quy định nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Dương Văn H cho rằng Tòa án nhân dân huyện HN không triệu tập anh H tham gia giải quyết vụ án. Xét thấy tài liệu có tại hồ sơ thể hiện ngày 24/02/2021, Tòa án nhân dân huyện HN thụ lý vụ án và anh H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án; lần thứ nhất triệu tập anh H đến Tòa án làm việc vào hồi 08

giờ 00 phút ngày 15/3/2021, anh H đã nhận được giấy triệu tập nhưng không có mặt, chị H có mặt; lần thứ 2 triệu tập anh H đến Tòa án làm việc vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 02/4/2021, anh H không có mặt, chị H có mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được; lần thứ 3 triệu tập anh H đến Tòa án làm việc vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 19/4/2021, anh H không có mặt, chị H có mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được; lần thứ 4 triệu tập anh H đến Tòa án làm việc vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 22/11/2021, anh H không có mặt, chị H có mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Như vậy, Tòa án đã triệu tập anh H đến làm việc 4 lần nhưng anh H không có mặt (01 lần anh H nhận giấy triệu tập; 03 lần được niêm yết theo quy định), do đó anh H cho rằng Tòa án nhân dân huyện HN không triệu tập anh H đến để giải quyết vụ án là chưa đúng.

Ngày 27/4/2021, Tòa án ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 16/5/2021 tại thửa đất, nhà anh H, chị H và gửi cho các đương sự. Chị H có mặt, anh H vắng mặt nên không thực hiện được; ngày 04/8/2021, Tòa án ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và quyết định thành lập Hội đồng định giá thực hiện vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 23/8/2021 và gửi cho các đương sự, chị H có mặt, anh H vắng mặt nên không thực hiện được; ngày 15/10/2021, Tòa án ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và quyết định thành lập Hội đồng định giá thực hiện vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02/11/2021 và gửi cho các đương sự, chị H có mặt, anh H vắng mặt. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá vẫn tiến hành thực hiện. Do anh H thường xuyên vắng nhà nên Văn phòng thừa phát lại thành phố Vinh đã niêm yết văn bản của Tòa án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Dương Văn H đề nghị Tòa án để anh H, chị H tự thỏa thuận giải quyết chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 26/5/2022, Tòa án mở phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất, anh H, chị H đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung và Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 22/8/2022, anh H nộp cho Tòa án văn bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 10/8/2022. Như vậy, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm anh H, chị H đã thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung và lập thành văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H, chị H vẫn đồng ý nội dung đã thỏa thuận chia tài sản chung ngày 11/8/2022, tuy nhiên không thỏa thuận được về việc chịu án phí. Xét thấy sự thỏa thuận của anh H, chị H trước khi mở phiên tòa về chia tài sản chung là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không vi phạm đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do các bên không thỏa thuận được về việc chịu án phí nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Giao cho chị Lê Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 108,2m² và 01 (một) ngôi nhà xây, mái tôn nằm trên diện tích đất được chia của thửa đất không

số tại khối 11, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA được UBND huyện HN cấp GCNQSDĐ số AB475554 ngày 28/01/2005 mang tên Dương Văn H và Lê Thị H (nay là thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7 tại khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA).

Giao cho anh Dương Văn H được quyền sử dụng phần đất ở có diện tích 78,2m² và 01 (một) Kiốt trên phần đất được chia của thửa đất không số tại khối 11, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA được UBND huyện HN cấp GCNQSDĐ số AB475554 ngày 28/01/2005 mang tên Dương Văn H và Lê Thị H (nay là thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7 tại khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA).

Việc thỏa thuận chia tài sản chung của anh H, chị H diện tích, tứ cận phần đất được chia cho mỗi người giống như Tòa án cấp sơ thẩm đã chia nên Hội đồng xét xử giữ nguyên sơ đồ chia đất của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh H, chị H cho rằng kết quả định giá ngày 02/11/2021 là quá cao, không đúng với giá trị thực tế của thửa đất và tài sản trên đất; việc định giá tài sản anh H không được tham gia nên không biết kết quả.

Xét thấy, căn cứ đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của chị H, Tòa án đã tổ chức xem xét thẩm định và định giá tài sản nhiều lần nhưng không thành do anh H vắng mặt. Ngày 21/11/2021, Tòa án tổ chức xem xét thẩm định và định giá tài sản. Kết quả định giá tài sản về đất là 3.150.000.000 đồng, tài sản trên đất là 544.575.300 đồng, tổng là 3.694.575.300 đồng; việc định giá tài sản chị H có mặt nhưng không có ý kiến gì và ký vào biên bản định giá; anh H vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo kết quả định giá cho anh H là vi phạm. Tại phiên Tòa phúc thẩm ngày 26/5/2022 anh H yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để anh H tiến hành làm thủ tục định giá lại tài sản nhưng anh H không thực hiện; ngày 01/7/2022, Tòa án có văn bản gửi anh H nếu tiếp tục yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp thì đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An làm thủ tục và nộp chi phí định giá tài sản, hết thời hạn quy định anh H vẫn không thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh H không yêu cầu định giá lại. Như vậy, mặc dù anh H, chị H cho rằng kết quả định giá ngày 21/11/2021 là cao nhưng không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kết quả định giá ngày 21/12/2021 để tính án phí đối với tài sản được chia cho các đương sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung, nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc chịu án phí nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định. Do các đương sự thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên án phí chia tài sản được giải quyết lại theo giá trị tài sản được nhận, vì vậy anh H, chị H mỗi người phải chịu 50% mức án phí tương ứng phần tài sản được chia. Cụ thể như sau:

Chị Lê Thị H được giao quyền sử dụng phần đất có diện tích 108,2m², giá trị 1.893.500.000 đồng và 01 (một) ngôi nhà xây, mái tôn, trị giá 453.856.800 đồng, tổng 2.347.356.800 đồng. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 72.000.000 đồng + (347.356.800 đồng x 2%) = 78.947.136 đồng : 2 = 39.473.568 đồng.

Anh Dương Văn H được giao quyền sử dụng phần đất có diện tích 78,2m², giá trị 1.368.500.000 đồng. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 36.000.000 đồng + (568.500.000 đồng x 3%) = 53.055.000 đồng : 2 = 26.527.500 đồng.

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị là có căn cứ, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung, không thỏa thuận được với nhau về việc chịu án phí nên Hội đồng xét xử xem xét lại án phí theo quy định của pháp luật.

Sửa cách tuyên án đối với phần quyết định giao quyền quản lý, sử dụng phần đất được giao cho anh H, chị H cho đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh H yêu cầu tự thỏa thuận chia tài sản chung được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của anh Dương Văn H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA.

Căn cứ Điều 28; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Dương Văn H và chị Lê Thị H về chia tài sản chung:

Giao cho chị Lê Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 108,2m² và được quyền sở hữu 01 (một) ngôi nhà xây, mái tôn trên diện tích đất được chia của thửa đất không số tại khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA được Ủy ban nhân dân huyện HN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB475554 ngày 28/01/2005 mang tên hộ ông, bà Dương Văn H và Lê Thị H (nay là thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7 tại khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA). Có tứ cận được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3 và 8 theo sơ đồ kèm theo. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 2.347.356.800 đồng.

Giao cho anh Dương Văn H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 78,2m² và được quyền sở hữu 01 (một) Kiốt trên diện tích đất được chia của thửa đất không số tại khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA được Ủy ban nhân dân huyện HN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB475554 ngày 28/01/2005 mang tên

hộ ông, bà Dương Văn H và Lê Thị H (nay là thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7 tại khối A, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA). Có tứ cận được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 7 và 8 theo sơ đồ kèm theo. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 1.368.500.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 39.473.568 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002232 ngày 02/2/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh NA. Chị Lê Thị H còn phải nộp số tiền 34.473.568 đồng án phí chia tài sản

Buộc anh Dương Văn H phải chịu 26.527.500 đồng án phí sơ thẩm,

3. Án phí phúc thẩm: Anh Dương Văn H không phải chịu án phí án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh Dương Văn H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003896 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh NA nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. HN;
- TAND H. HN;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh